

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀ BẮC  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ

Ngày: 21/11/2022

(V/v yêu cầu ly hôn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Lự.**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đinh Trọng Huệ**  
**Bà Phạm Thị Dần.**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Bùi Thanh Tùng**
- Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Diệu Hiền - Kiểm sát viên.**

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về tranh chấp ly hôn thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 03 năm 2021, về việc yêu cầu ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/QĐST- HNGĐ ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Vàng Thị Th** - sinh năm 1996.  
Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Có mặt
2. Bị đơn: **Anh Lường Đức Th1** - sinh năm 1992.  
Địa chỉ: Xóm T, xã TT, huyện Đ, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt lần hai, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Vàng Thị Th và anh Lường Đức Th1 được tìm hiểu nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2018 tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên. Sau khi đăng ký kết hôn anh, chị xảy ra mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu nên không tổ chức cưới hỏi. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau chị Th không về làm dâu nhà anh Th1 ngày nào và do đường xa xa xôi hai người sống ly thân

nhau từ đầu năm 2019 đến nay không hề quan tâm gì đến nhau, chị Th thấy tình cảm không có chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Th1.

-Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Lường Đức Th1 nhiều lần nhưng anh Th1 cố tình không hợp tác và không có mặt ở Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xác minh tại gia đình anh Th1, UBND xã TT và tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Lường Đức Th1 cố tình không chấp hành và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa chị Vàng Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn anh Lường Đức Th1.

\*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc.

-Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định và thời hạn, nội dung thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX xử vắng mặt anh Lường Đức Th1 là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

-Về nội dung: Từ những tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng hôn nhân giữa chị Vàng Thị Th và anh Lường Đức Th1 trước khi đăng ký kết hôn được tìm hiểu nhau tự nguyện không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu và không thể sống chung với nhau bởi tính tình không hợp và đường xá xa xôi nên anh chị sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm anh chị không có, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích sống chung không có, cuộc hôn nhân không đạt được do đó đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vàng Thị Th với anh Lường Đức Th1.

-Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề cập giải quyết.

-Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nguyên đơn chị Vàng Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

Về quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vàng Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lường Đức Th1, anh Th1 có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã TT, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó căn cứ tại khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án triệu tập và thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh Lường Đức Th1 vắng mặt tại Tòa án, nên không thể tiến hành hòa giải được tại Tòa án. Tòa án đã niêm yết các tài liệu giấy tờ theo quy định của pháp luật như bị đơn vắng mặt không có lý do HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228 của BLTTDS, Tòa án án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh Lường Đức Th1 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị Th và anh Lường Đức Th1 tự nguyện tìm hiểu nhau không có sự ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên từ năm 2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình kết hôn anh chị phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu, và ly thân nhau từ đầu không tổ chức cưới từ năm 2019 đến nay anh chị không hề gặp nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương cũng như tại phiên tòa anh Th1 không hợp tác cố tình trốn tránh, không thể hiện quan điểm của mình mặc dù Tòa án đã tổng đạt các giấy triệu tập cũng như các văn bản theo quy định của BLTTDS nhưng anh Th1 cố tình vắng mặt mà không có lý do thể hiện anh Th1 không có thiện chí trở thành vợ chồng với chị Vàng Thị Th.

Qua xác minh gia đình và chính quyền địa phương đều khẳng định chị Vàng Thị Th và anh Lường Đức Th1 có đăng ký kết hôn ở tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, sau khi đăng ký kết hôn chị Th và anh Th1 không tổ chức cưới và ly thân nhau ngay từ khi mới đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai anh chị sống ly thân nhau trong thời gian dài và không quan tâm gì đến nhau, vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vàng Thị Th đối với anh Lường Đức Th1 là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Vàng Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 BLTTDS.

Căn cứ các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân & gia đình.

Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điều 27 của

Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Vàng Thị Th đối với anh Lương Đức Th1.

2. Về án phí: Chị Vàng Thị Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003413 ngày 29/03/2021 của Chi cục THADS huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận :**

- TAND, tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS huyện Đà Bắc
- UBND xã Si Pa Phìn;
- UBND xã Trung Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Lự**